

Phụ lục**Giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2023
trên địa bàn tỉnh Kon Tum***(Kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

	Tên đơn vị	Biên chế sự nghiệp					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG CỘNG		14,390	11,716	1,819	296	559	
A	CẤP TỈNH	4,222	1,781	1,819	162	460	
I	TRỰC THUỘC UBND TỈNH	329	216	-	50	63	
1	Trường Cao đẳng cộng đồng	216	216	-	-	-	
2	Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh	50	-	-	50	-	
3	Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	63	-	-	-	63	
II	TRỰC THUỘC SỞ, NGÀNH	3,893	1,565	1,819	112	397	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,563	1,563	-	-	-	
2	Sở Y tế	1,784	-	1,784	-	-	
-	Bệnh viện Y dược cổ truyền- Phục hồi chức năng	105	-	105	-	-	
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	153	-	153	-	-	
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	153	-	153	-	-	
-	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc- mỹ phẩm- thực phẩm	20	-	20	-	-	
-	Trung tâm Giám định Y khoa	12	-	12	-	-	

	Tên đơn vị	Biên chế sự nghiệp					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH- TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Trung tâm Pháp y	12	-	12	-	-	
-	TTYT thành phố	177	-	177	-	-	
-	TTYT huyện Ngọc Hồi	97	-	97	-	-	
-	TTYT huyện Đắk Hà	140	-	140	-	-	
-	TTYT huyện Đắk Tô	127	-	127	-	-	
-	TTYT huyện Sa Thầy	137	-	137	-	-	
-	TTYT huyện Tu Mơ Rông	152	-	152	-	-	
-	TTYT huyện Đắk Glei	156	-	156	-	-	
-	TTYT huyện Kon Rẫy	113	-	113	-	-	
-	TTYT huyện Kon Plông	138	-	138	-	-	
-	TTYT huyện Ia H'Drai	42	-	42	-	-	
-	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Kon Tum	50		50			
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51	2	35	0	14	
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	11	-	-	-	11	
-	Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội	40	2	35	-	3	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	112	-	-	112	-	
-	Bảo tàng - Thư viện	33	-	-	33	-	

	Tên đơn vị	Biên chế sự nghiệp					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Trung tâm Văn hóa- Nghệ thuật	49	-	-	49	-	
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh	20	-	-	20	-	
-	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	10	-	-	10	-	
5	Văn phòng UBND tỉnh	19	-	-	-	19	
-	Trung tâm Dịch vụ Hành chính- Hội Nghị	7	-	-	-	7	
-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	12	-	-	-	12	Đơn vị hành chính đặc thù theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
6	Sở Tư pháp	17	-	-	-	17	
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý	10	-	-	-	10	
-	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	7	-	-	-	7	
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	256	-	-	-	256	
-	Trung tâm Khuyến nông	18	-	-	-	18	
-	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	13	-	-	-	13	
-	Ban quản lý phòng hộ Kon Rẫy	19	-	-	-	19	
-	BQL rừng phòng hộ Thạch Nham	37	-	-	-	37	
-	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	25	-	-	-	25	

	Tên đơn vị	Biên chế sự nghiệp					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Ban quản lý KBTTN Ngọc Linh	52	-	-	-	52	
-	Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Hà	27	-	-	-	27	
-	Ban quản lý rừng đặc dụng Đăk Uy	9	-	-	-	9	
-	Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei	56	-	-	-	56	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	31	-	-	-	31	
-	Trung tâm Phát triển quỹ đất	5	-	-	-	5	
-	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	5	-	-	-	5	
-	Văn phòng Đăng ký đất đai	16	-	-	-	16	
-	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	5	-	-	-	5	
9	Sở Khoa học và công nghệ	11	-	-	-	11	
-	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ	11	-	-	-	11	
10	Sở Thông tin - truyền thông	3	-	-	-	3	
-	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh	3	-	-	-	3	
11	Sở Công Thương	7	-	-	-	7	
-	Trung tâm Khuyến công- Xúc tiến thương mại và Tư vấn công nghiệp	7	-	-	-	7	
12	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	6	-	-	-	6	
-	Ban quản lý cửa khẩu Quốc tế Bờ Y	6	-	-	-	6	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	-	-	-	11	

	Tên đơn vị	Biên chế sự nghiệp					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Trung tâm xúc tiến đầu tư	11	-	-	-	11	
14	Sở Giao thông vận tải (bố trí Trạm cân 54 và các Trạm cân lưu động khác)	22	-	-	-	22	
B	CẤP HUYỆN	10,168	9,935	-	134	99	
1	UBND huyện Kon Rẫy	692	671	-	13	8	
2	UBND Huyện Sa Thầy	1,071	1,046	-	16	9	
3	UBND huyện Ia H'Drai	239	218	-	6	15	
4	UBND Huyện Kon Plông	779	742	-	14	23	
5	UBND Huyện Ngọc Hồi	998	976	-	16	6	
6	UBND Huyện Đăk Glei	1,049	1,026	-	16	7	
7	UBND Huyện Đăk Tô	1,100	1,082	-	13	5	
8	UBND Huyện Tu Mơ Rông	834	815	-	13	6	
9	UBND Huyện Đăk Hà	1,379	1,356	-	12	11	
10	UBND Thành phố Kon Tum	2,027	2,003	-	15	9	